

Số: 78 /KH-UBND

Nam Định, ngày 08 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, xác định định rõ nhiệm vụ giải pháp, phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh.

2. Yêu cầu

Các cấp, các ngành, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực được giao tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; xác định tài nguyên, môi trường biển là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế của tỉnh và phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững; phát triển kinh tế biển của tỉnh cùng với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phát triển kinh tế biển xanh; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động khu vực ven biển, trên biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới biển của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tài nguyên biển của tỉnh được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm

soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Du lịch và dịch vụ biển; (4) Công nghiệp ven biển; (5) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

b) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, các vấn đề về ô nhiễm xuyên biên giới, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, ở các đô thị ven biển, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tải môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển, giữ ổn định diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 8-9% diện tích vùng ven biển của tỉnh; tỷ lệ che phủ rừng đạt 2%.

c) Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cùng với tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng.

d) Tăng cường các nhiệm vụ điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển đáp ứng yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển trong lành, xã hội hài hoà với thiên nhiên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP

Tổ chức quán triệt, triển khai các nội dung của Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền

vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành trong thực hiện Nghị quyết.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và các tầng lớp nhân dân về chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển đối với vùng biển tỉnh Nam Định để phát triển kinh tế biển cùng với bảo vệ môi trường biển, gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trên địa bàn, biên giới biển tỉnh Nam Định.

2. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển

a) Phân vùng sử dụng không gian biển

Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chông chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các cấp, các ngành, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản và di sản văn hóa biển.

Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

- Phát triển ngành thủy sản toàn diện trên các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần thủy sản theo hướng hiệu quả, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển. Phấn đấu đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 230.150 tấn trở lên, trong đó nuôi trồng thủy sản đạt 170.150 tấn, khai thác thủy sản đạt 60.000 tấn.

- Phát triển nhanh, đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm cộng đồng gắn với phát triển du lịch các địa điểm: Vườn quốc gia Xuân Thủy, các khu du lịch Quất Lâm, Thịnh Long, Rạng Đông, khu bảo tồn chứng tích biến đổi khí hậu Nhà thờ đổ Văn Lý, các mô hình điểm trong xây dựng nông thôn mới,... Hình thành các tuyến du lịch biển gắn với du lịch văn hóa, tâm linh và tuyến du lịch liên tỉnh.

- Khai thác tốt các tuyến vận tải đường thủy, đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng, dịch vụ vận tải biển, từng bước hình thành các chuỗi cung ứng vận tải biển, tổng kho phân phối, hoàn thiện hạ tầng Logistics kết nối liên thông với các cảng biển lớn của khu vực. Xây dựng lộ trình mở rộng, nâng cấp cảng để có khả năng tiếp nhận các tàu trọng tải lớn, đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ vận tải biển. Nghiên cứu xây dựng cảng biển chuyên dùng phục vụ cho phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ, Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông...

- Tìm kiếm, thăm dò khoáng sản, dầu khí tại vùng biển tỉnh quản lý. Nâng cao hiệu quả khai thác khoáng sản, kết hợp hài hòa giữa khai thác với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

- Đẩy mạnh đầu tư mới hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp phục vụ phát triển công nghiệp. Hoàn thành hạ tầng và sớm lấp đầy Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông, Cụm công nghiệp Thịnh Lâm - Giao Thủy, Cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân - Hải Hậu. Hoàn thành đề án thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ.

- Nghiên cứu, khảo sát phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường.

- Xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển kinh tế - xã hội và khu vực nhận chìm ở biển trong trường hợp các vật liệu nạo vét không đổ được trên bờ.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên biển hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học biển.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp. Áp dụng các công cụ thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, thực thi có hiệu quả các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ngăn chặn khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

3. Bảo vệ môi trường biển

a) Thực hiện định kỳ công tác điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển của tỉnh bao gồm ô nhiễm môi trường biển, axit hóa đại dương và các vấn đề liên quan khác.

c) Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường để triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ thu hồi, xử lý rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển đạt 100%.

d) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển.

đ) Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển

a) Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Xuân Thủy và vùng đệm. Đến năm 2030, duy trì diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 8-9% diện tích vùng ven biển; diện tích rừng ngập mặn ven biển được phục hồi tối thiểu bằng mức năm 2000.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản. Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

5. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

b) Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

c) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

d) Rà soát và đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

6. Điều tra cơ bản biển

a) Phối hợp với các Bộ, ngành trung ương tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

b) Thực hiện điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học để phát hiện các loại tài nguyên mới, xác định khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển và sức chịu tải môi trường biển, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

7. Khoa học, công nghệ

a) Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến thủy sản sau thu hoạch. Chuyển từ nuôi trồng thủy sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp có ứng dụng công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng, khai thác, bảo quản đến chế biến, nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế, tính cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

b) Nghiên cứu, kiểm kê, đánh giá nguồn vốn tự nhiên biển; Dự báo xu thế diễn biến tài nguyên và môi trường biển trong điều kiện biến đổi khí hậu. Nghiên cứu và ứng dụng các quy trình công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên biển ít gây tác động môi trường và hạn chế ô nhiễm biển. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong xử lý ô nhiễm và ứng phó sự cố môi trường, thiên tai trên biển. Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp tái tạo và phục hồi tài nguyên và môi trường; mở rộng diện tích vùng biển được bảo tồn. Phát triển công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại và quy trình tiên tiến phục vụ điều tra nghiên cứu, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên biển, bảo vệ môi trường. Giám sát và dự báo thiên tai, sự cố môi trường biển bằng các thiết bị hiện đại, công nghệ cao và tăng cường năng lực cho hệ thống trạm quan trắc, phục vụ dự báo và cảnh báo các hiện tượng thời tiết bất thường trên biển. Xây dựng cơ sở khoa học cho phát triển kinh tế, dịch vụ môi trường (nhấn mạnh đến xác định nguồn vốn tự nhiên biển) và xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Nghiên cứu xây dựng các quy trình, quy chuẩn quản lý, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ xây dựng các chính sách, các quy định pháp luật để sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

c) Đầu tư phát triển trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại; hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học biển, khai thác đáy biển sâu, công nghệ vũ trụ, viễn thám trong giám sát biển.

d) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường. Khuyến khích, hỗ trợ doanh

nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001, ISO 14000,...), các công cụ quản lý cải tiến năng suất, chất lượng; xây dựng thương hiệu.

e) Nghiên cứu cơ sở khoa học và đổi mới công nghệ để đầu tư phát triển các dự án nguồn năng lượng tái tạo mới (năng lượng gió; năng lượng sóng, thủy triều...) phù hợp tại một số khu vực biển của tỉnh. Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng hệ sinh thái phát triển du lịch ven biển.

8. Hợp tác quốc tế

a) Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia.

b) Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kinh tế biển, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

9. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Xây dựng các chương trình đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường để phục vụ cho các ngành kinh tế biển và chuyển đổi nghề nghiệp của người dân.

10. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển, cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Đẩy mạnh xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế và chính sách trong quản lý môi trường biển, như: lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sử dụng biển, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, cấp phép và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí trong việc các bên liên quan được hưởng các lợi ích từ khu bảo tồn biển, các quy định hỗ trợ người dân trong khu bảo tồn biển chuyển đổi sinh kế.

11. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển

Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu biển của tỉnh; triển khai việc tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của các sở, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu biển của tỉnh; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ bảo

đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu biển của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan.

12. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm bao gồm Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6).

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các phương pháp khai thác có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Phối hợp tuyên truyền giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển ở các cấp học theo hình thức phù hợp nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển của quốc gia, của tỉnh, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp, sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên biển, phù hợp với quy hoạch, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương, bảo vệ hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh. Quan trắc, giám sát, theo dõi ô nhiễm môi trường biển. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải ra biển.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Nam Định sau khi Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên môi trường vùng bờ quốc gia được phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, giải pháp thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển; xây dựng kế hoạch trồng, phục hồi rừng ngập mặn ven biển đảm bảo diện tích rừng ngập mặn tối thiểu bằng năm 2000. Hướng dẫn các địa phương ven biển tập trung xây dựng và duy trì nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tham mưu từng bước nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, đê kè, cảng cá, khu neo đậu ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bão lũ, xói sạt lở bờ biển, nước biển dâng, xâm nhập mặn...

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo khả năng cân đối cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ theo quy định.

4. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Tham gia phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân và các thành phần kinh tế sản xuất, khai thác, sử dụng tài nguyên biển bền vững.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại vùng biển của tỉnh.

6. Công an tỉnh

Thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển; đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển.

7. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về biển; đảm bảo nguồn lực cho Sở Tài nguyên và Môi

trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về tài nguyên, môi trường biển; xác định, phân chia ranh giới hành chính trên biển giữa các tỉnh, các huyện, xã, thị trấn ven biển.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học và công nghệ liên quan đến biển; chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nuôi biển, khai thác, bảo quản sản phẩm nghề cá, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống xói sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng... nhằm phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

9. Sở Công Thương

Tham mưu đề xuất thực hiện các dự án, nhiệm vụ về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu đề xuất phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng trên biển và vùng ven biển, đẩy mạnh phát triển tuyến du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy.

11. Sở Giao thông vận tải

Tham mưu tổ chức thực hiện các chính sách, nhiệm vụ về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng ven biển, cảng biển, vận tải biển; đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm.

12. Sở Xây dựng

Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển các đô thị xanh ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh cho các đô thị ven biển.

13. Sở Thông tin và Truyền thông

Xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

14. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nam Định

Có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển.

15. Ủy ban nhân dân các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu và Nghĩa Hưng

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi quyền hạn của địa phương.

16. Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị triển khai các nội dung nêu tại Kế hoạch này theo ngành, lĩnh vực phụ trách góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng